

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 1 - 09-213603

CBGD: *Võ Phúc Anh Vũ*

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14125567	NGUYỄN QUÝ BÌNH	DH14BQNT	<i>Thư</i>		5.5		6.3	6.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14125568	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH14BQNT	<i>Phúc</i>		5.5		7.5	6.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14125571	QUẢNG THỊ KIM DUNG	DH14BQNT	<i>Kim</i>		5.8		4.5	4.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14125574	ĐỖ THỊ XUÂN HIỀN	DH14BQNT	<i>Xuân</i>		5.5		4.0	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14125575	NGUYỄN NGỌC HUY	DH14BQNT	<i>Ngọc</i>		7.0		3.8	4.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14125576	PHAN HỮU HƯNG	DH14BQNT	<i>Hưng</i>		7.0		8.5	8.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14125577	DƯƠNG THỊ KIM LIÊN	DH14BQNT	<i>Liên</i>		4.8		3.8	4.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14125578	TẠ THỊ ANH MAI	DH14BQNT	<i>Mai</i>		7.5		7.3	7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14125579	LÊ NHÃ PHONG	DH14BQNT	<i>Nhã</i>		8.8		7.0	7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14125580	VÕ MINH THẾ	DH14BQNT	<i>Minh</i>		7.3		4.0	5.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14125581	TRẦN THỊ KIM THOA	DH14BQNT	<i>Thi</i>		5.3		5.5	5.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14125582	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	DH14BQNT	<i>Thương</i>		8.3		8.8	8.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14125583	TRẦN AN XUÂN	DH14BQNT	<i>Xuân</i>		7.8		6.8	7.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14125665	HÀNG QUỲNH ANH	DH14BQNT	<i>Anh</i>		7.5		5.3	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14125668	PHẠM THANH QUỲNH CHI	DH14BQNT	<i>Chi</i>		7.8		6.3	6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14125670	MAI THỊ THỦY DUNG	DH14BQNT	<i>Thủy</i>		7.5		6.8	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14125673	PHAN HẢI ĐĂNG	DH14BQNT	<i>Hải</i>		6.8		6.5	6.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 1 - 09-213603

CBGD: Võ Phước Anh Vũ

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14125675	LÊ THỊ HẠNH	DH14BQNT	<i>Lh</i>		7.0		5.0	5.6		
19	14125676	VÕ THỊ MỸ	DH14BQNT	<i>Mỹ</i>		6.5		5.8	6.0		
20	14125679	PHAN THỊ HIỀN	DH14BQNT	<i>Hi</i>		5.5		4.5	4.8		
21	14125683	TRẦN QUỐC HÙNG	DH14BQNT	<i>Hu</i>		4.5		6.8	6.1		
22	14125687	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LỘC	DH14BQNT	<i>KL</i>		7.0		7.8	7.6		
23	14125690	LÊ THỊ BÍCH	DH14BQNT	<i>Bga</i>		6.3		6.8	6.7		
24	14125691	TRỊNH CÔNG NHẬT	DH14BQNT	<i>Cong</i>		6.3		6.8	6.7		
25	14125692	NGUYỄN THỊ YẾN	DH14BQNT	<i>Yen</i>		6.3		6.5	6.4		
26	14125696	HOÀNG HẢI PHÚ	DH14BQNT	<i>Phu</i>		5.3		3.8	4.3		
27	14125699	LÊ HỒNG PHƯỚC	DH14BQNT	<i>Hu</i>		6.8		6.0	6.2		
28	14125700	PHẠM THỊ QUỲNH	DH14BQNT								
29	14125703	TẠIN THỊ SÓM	DH14BQNT	<i>Som</i>		4.0		6.0	5.4		
30	14125705	NGUYỄN THỊ THẢO	DH14BQNT	<i>Tho</i>		5.3		6.5	6.1		
31	14125707	NGUYỄN TẤN THẮNG	DH14BQNT	<i>Tan</i>		6.0		5.0	5.3		
32	14125708	VÕ THỊ KIM THI	DH14BQNT	<i>Thi</i>		7.5		6.0	6.5		
33	14125709	NGUYỄN THỊ THUỖYÊN	DH14BQNT	<i>Thuy</i>		7.5		8.0	7.9		
34	14125711	CAO THỊ HUYỀN	DH14BQNT	<i>Hu</i>		5.0		6.8	6.3		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 1 - 09-213603

CBGD: Võ Phước Anh Vũ

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14125712	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	DH14BQNT	Tha		8.5		7.8	8.0	3 2 1 2 2 4 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
36	14125713	HUỖNH ĐẶNG THANH	TRÂM	DH14BQNT	Tram		6.3		6.3	6.3	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
37	14125714	TRẦN NGỌC TỔ	TRÂM	DH14BQNT	Trang		6.3		6.5	6.4	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
38	14125715	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	DH14BQNT	Tram		8.5		7.8	8.0	3 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
39	14125716	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRÂM	DH14BQNT	Tram		6.8		6.3	6.5	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
40	14125717	VÕ THỊ THANH	TRÂM	DH14BQNT	Thanh		6.3		6.3	6.3	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
41	14125718	HUỖNH MINH	TRỌNG	DH14BQNT	Trang		3.0		6.5	5.5	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
42	14125720	VÕ THỊ BÍCH	VÂN	DH14BQNT	Tram		8.3		5.5	6.3	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
43	14125723	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	Ỡ	DH14BQNT	Như		7.8		6.3	6.8	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
44	14125766	LÊ VIỆT	HẢ	DH14BQNT	Việt		8.3		7.8	8.0	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
45	14125767	HUỖNH THỊ	HẠNH	DH14BQNT	Thanh		6.0		6.0	6.0	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
46	14125768	LÊ TRẦN MINH	TRÍ	DH14BQNT	Tram		8.8		8.0	8.2	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2
47	14125770	TRỊNH MINH	THÀNH	DH14BQNT	Tram		6.3		5.8	6.0	2 2 1 2 2 2 2 2 2 2 2 2	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: : 46

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Minh-Hưng.
Thư
Đỗ Văn Lý

By This Koush Amb
Leffler


Võ Phúc Anh Vũ